

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ AN NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 01 - 02 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Trương Thị Hiệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2210/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Cao Thị Mạnh H**, sinh năm 1972; Nơi đăng ký thường trú: **số nhà C, đường H, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định**; tạm trú: **thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Cao Văn T**, sinh năm 1970; địa chỉ: **số nhà H, đường N, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định**, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Cao Thị Mạnh H** trình bày:* Chị và anh **Cao Văn T** là anh em ruột. Năm 2018, anh **Cao Văn T** cần tiền để mua chung cư ở thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ chị vay tiền giúp. Ngày 26/4/2018, chị chuyển khoản cho anh **Cao Văn T** vay số tiền 200.000.000đ. Hai bên thỏa thuận tiền lãi anh **T** phải trả cho chị là 4.000.000đ/tháng (2%/tháng), không xác định thời hạn trả, chỉ hện khi nào anh **T**

có tiền thì trả, do là anh em nên không viết giấy tờ.

Năm 2019, anh **T** bán chung cư nhưng vẫn không trả tiền cho chị. Ngày 14/8/2022 âm lịch (ngày 09/9/2022 DL), chị và anh **T** chốt số tiền anh **T** còn nợ chị là 350.000.000đ, trong đó số tiền vay là 200.000.000đ và tiền lãi từ ngày 26/4/2018 đến ngày 14/8/2022 âm lịch, với lãi suất 1,5%/tháng, được làm tròn là 150.000.000đ. Anh **T** viết Giấy mượn tiền xác nhận số tiền nợ và ký tên vào. Thời điểm chị và anh **T** thỏa thuận chốt số tiền nợ có ông **Cao Văn Đ** chứng kiến và ký tên vào mục người làm chứng.

Ngày 18/7/2023, anh **Cao Văn T** đã trả chị số tiền 200.000.000đ, còn lại số tiền gốc 150.000.000đ. Ngày 14/8/2022AL, anh **T** chốt số tiền nợ và viết giấy cho mượn tiền xác định số tiền nợ là 350.000.000đ nên kể từ thời điểm chốt số nợ thì số tiền lãi 150.000.000đ đã trở thành tiền vay gốc.

Nay chị yêu cầu anh **Cao Văn T** có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 150.000.000đ; tiền lãi trên số tiền vay gốc 350.000.000đ, thời gian tính lãi từ ngày viết giấy mượn tiền (ngày 14/8/2022 AL) đến ngày 18/7/2023 và tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000đ, thời gian tính lãi từ ngày 19/7/2023 cho đến ngày trả nợ, với mức lãi suất là 1,5%/tháng.

*- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh **Cao Văn T** trình bày:* Năm 2018, chị **Cao Thị Mạnh H** cho anh vay số tiền 400.000.000đ, nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản, chuyển 02 lần, mỗi lần 200.000.000đ, lần đầu không nhớ ngày chuyển, lần 2 vào ngày 26/4/2018), lãi thỏa thuận là bạc 20 (tức cứ vay 100.000.000đ thì trả lãi 2.000.000đ mỗi tháng). Ngày 14/5/2019, anh đã trả cho chị **H** số tiền 200.000.000đ, còn nợ 200.000.000đ nên số tiền còn nợ này được tính lại thời điểm vay là ngày 14/5/2019. Sau ngày 14/5/2019, anh đã trả lãi cho chị **H** nhiều lần, tổng cộng số tiền lãi đã trả khoảng 60.000.000đ, việc trả lãi không viết giấy tờ.

Ngày 14/8/2022 âm lịch, tại nhà cha ruột (**Cao Văn Đ**) anh và **Cao Thị Mạnh H** chốt số tiền anh còn nợ chị **H** là 350.000.000đ, trong đó tiền vay gốc 200.000.000đ và lãi từ tính ngày 14/5/2019 đến ngày 14/8/2022 âm lịch là 150.000.000đ theo mức lãi suất 2%/tháng. Chữ ký **Cao Văn T** trong Giấy cho mượn tiền đề ngày 14/8/2022AL là chữ ký, chữ viết của anh. Đến tháng 7/2023 anh đã trả cho **H** số tiền vay gốc 200.000.000đ, việc trả tiền thông qua ông **Cao Văn Đ**.

Anh xác định chỉ còn nợ chị **H** 200.000.000đ tiền gốc. Tháng 7/2023 anh đã trả xong cho **H** số tiền vay, số tiền 150.000.000đ còn lại là tiền lãi. Nay anh yêu cầu Tòa tính lại tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng là 0.8%/tháng (**ngân hàng H3nk**) trên số tiền vay 200.000.000đ từ ngày vay 14/5/2019, Tòa xác định số tiền lãi bao nhiêu thì anh đồng ý trả cho chị **H**.

Tại phiên tòa,

Chị **H** yêu cầu anh **T** trả số tiền nợ gốc 150.000.000đồng. Chị **H** thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, cụ thể: tính tiền lãi trên số tiền vay gốc 350.000.000đồng từ ngày viết giấy mượn tiền đến ngày trả nợ 18/7/2023 với mức lãi suất 1.2%/tháng và tiền lãi trên số tiền nợ 150.000.000đ từ ngày 19/7/2023 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0.8%/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Cao Thị Mạnh H** buộc anh **Cao Văn T** có nghĩa vụ thanh toán cho chị **Cao Thị Mạnh H** số tiền 150.000.000đồng; lãi suất 1.2% trên số tiền vay 200.000.000đồng tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày 18/7/2023 và lãi suất 0.8%/tháng đối với số tiền lãi 150.000.000đồng chậm trả tính từ ngày 19/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu của chị **Cao Thị Mạnh H** về việc buộc ông **Cao Văn T** trả lãi 1.2%/tháng đối với số tiền 150.000.000đồng tính từ ngày 09/9/2022 đến ngày trả nợ 18/7/2023. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Cao Văn T** cho rằng đã trả tiền lãi 60.000.000đồng và tính lại tiền lãi. Buộc anh **Cao Văn T** phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh **Cao Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **Cao Văn T**.

[2] Về xác định số tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án, chị **Cao Thị Mạnh H** và anh **Cao Văn T** đều thừa nhận vào ngày 26/4/2018 chị **Cao Thị Mạnh H** chuyển khoản cho anh **Cao Văn T** vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, vay không xác thời hạn. Ngày 14/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 09/9/2022), anh **Cao Văn T** viết Giấy mượn tiền xác nhận số tiền anh nợ chị **H** là 350.000.000đồng (gồm số tiền vay 200.000.000đ và tiền lãi thỏa thuận chưa trả là 150.000.000đ) chứ không phải các bên xác lập khoản vay mới. Ngày 18/7/2023, anh **Cao Văn T** trả cho chị **Cao Thị Mạnh H** số tiền vay 200.000.000đ, còn số tiền 150.000.000đ chưa trả. Lời thừa nhận của các bên phù hợp với chứng cứ mà chị **H** giao nộp (Ủy nhiệm chi ngày 26/4/2018 của **S**; Giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2022 âm lịch) và lời khai của nhân chứng **Cao Văn Đ** (cha ruột của chị **H** và anh **T**) nên có cơ sở xác định số tiền

vay là 200.000.000đ và anh **Cao Văn T** đã trả xong. Tuy nhiên, anh **Cao Văn T** đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Giấy mượn tiền đề ngày 14/8/2022 âm lịch không ghi thời hạn trả, không ghi mức lãi suất vay. Các bên cũng không có thỏa thuận gì khác bên ngoài nên mặc nhiên thừa nhận tiếp tục thực hiện hợp đồng vay được xác lập vào ngày 26/4/2018. Xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, mức lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Tuy nhiên vào ngày 09/9/2022 chị **Cao Thị Mạnh H1** và anh **Cao Văn T** đã thỏa thuận số tiền lãi anh **Cao Văn T** phải trả từ ngày vay 26/4/2018 đến ngày 09/9/2022 là 150.000.000đ, được tính mức lãi suất là 17,141%, không vượt quá mức lãi suất 20%/năm quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên số tiền lãi thỏa thuận 150.000.000đ là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu của chị **H1**.

[4] Chị **Cao Thị Mạnh H** cho rằng kể từ thời điểm hai bên xác nhận nợ 09/9/2022 thì số tiền lãi 150.000.000đ đã trở thành tiền vay gốc. Tuy nhiên, pháp luật dân sự không quy định về việc nhập lãi vào nợ gốc để tính lãi của thời gian vay tiếp nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi từ ngày xác nhận nợ 09/9/2022 đến ngày trả nợ 18/7/2023 đối với số tiền 150.000.000đ. Ngày 18/7/2023, anh **Cao Văn T** đã trả tiền vay, chưa trả lãi nên yêu cầu tính tiền lãi từ ngày viết giấy mượn tiền 09/9/2022 đến ngày trả nợ 18/7/2023 đối với số tiền vay 200.000.000đ, với mức lãi suất 1.2%/tháng là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, điều chỉnh lại ngày tính lãi là ngày tiếp theo của ngày xác nhận nợ (ngày 10/9/2022).

[5] Ngày 18/7/2023, anh **Cao Văn T** trả tiền vay cho chị **Cao Thị Mạnh H** nhưng không trả tiền lãi nên xác định ngày 18/7/2023 là ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì anh **Cao Văn T** chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn nên còn phải trả lãi trên nợ lãi trong hạn với mức lãi suất là 10%/năm được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại phiên tòa, chị **Cao Thị Mạnh H** yêu cầu tính mức lãi suất 0.8%/tháng (9.6%/năm) nên ghi nhận. Số tiền lãi chưa trả được tính như sau:

- Tiền lãi trong hạn trên số tiền vay 200.000.000đ từ ngày 10/9/2022 đến ngày 18/7/2023 là 311 ngày với mức lãi suất là 1.2%/tháng (14,4%/năm) thành tiền là **24.539.178đồng**.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả được xác định: Số tiền lãi trong hạn (150.000.000đ + 24.539.178đồng), từ ngày 19/7/2023 đến ngày xét xử 01/02/2024 là 197 ngày với mức lãi suất 0.8%/tháng (9.6%/năm) thành tiền **9.043.520đồng**.

[6] Tổng số tiền lãi anh **Cao Văn T** còn phải trả cho chị **Cao Thị Mạnh H** là: 150.000.000đ + 24.539.178đồng + 9.043.520đồng = **183.582.698đồng**.

[7] Anh **Cao Văn T** cho rằng trước ngày 26/4/2018 anh còn vay của chị **H** số tiền 200.000.000đ, tổng cộng số tiền anh đã vay là 400.000.000đ. Ngày 14/5/2019, anh trả cho chị **H** số tiền 200.000.000đ nên số tiền vay 200.000.000đ còn nợ được xác

định lại ngày vay là ngày anh trả một phần nợ vay (ngày 14/5/2019). Tuy nhiên, pháp luật dân sự không quy định việc trả một phần khoản vay thì thời điểm vay được tính lại nên lời khai này là không có cơ sở, không được chấp nhận.

[8] Anh **Cao Văn T** cho rằng đã trả tiền lãi cho chị **H** khoảng 60.000.000đồng, và yêu cầu tính lại số tiền lãi mà hai bên đã thỏa thuận. Lời khai của anh **T** không được chị **H** thừa nhận và anh **T** cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Như đã nhận định tại mục [4] thì tiền lãi thỏa thuận 150.000.000đ là phù hợp. Do đó, yêu cầu tính lại tiền lãi của anh **Cao Văn T** không có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh **Cao Văn T** phải chịu án phí về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $183.582.698\text{đồng} \times 5\% = 9.179.135\text{đồng}$ .

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 5, Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

#### ***Tuyên xử:***

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Cao Thị Mạnh H**. Buộc anh **Cao Văn T** có trách nhiệm trả cho chị **Cao Thị Mạnh H** số tiền lãi còn nợ 183.582.698(một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm chín mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của chị **Cao Thị Mạnh H** về việc xác định số tiền 150.000.000đồng là tiền gốc và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1.2%/tháng.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của anh **Cao Văn T** về việc đã trả lãi 60.000.000đồng và yêu cầu tính lại lãi thỏa thuận.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Cao Văn T** phải chịu 9.179.135(chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm ba mươi lăm)đồng. Hoàn trả cho chị **Cao Thị**

**Mạnh H2** số tiền 3.750.000(ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001962 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Chị **Cao Thị Mạnh H** có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Cao Văn T** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã An Nhơn;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ái Phượng**